

Số: 06 /KH-SNgV

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 01 năm 2019

**KẾ HOẠCH NĂM 2019  
VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

**Kính gửi: Sở Công Thương**

Sở Ngoại vụ báo cáo kế hoạch năm 2019 Ngày lập báo cáo [16/1/2019]

Mã số ID: [Ghi mã số do Hệ thống cơ sở dữ liệu năng lượng quốc gia cấp]

Ngày tháng năm nhận báo cáo	
Ngày tháng năm xử lý, xác nhận	

Phân ngành: quản lý nhà nước về biên giới lãnh thổ và công tác đối ngoại

Tên cơ sở : Sở ngoại vụ Lạng Sơn

Mã số thuế: 4900339191

Địa chỉ: 06 Đường Hùng Vương, T P Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: Lê Thị Thanh

Điện thoại: 0253 866 663 Fax: 0253 718 607 Email: .....

Trực thuộc (tên công ty mẹ): UBND Tỉnh Lạng Sơn

Địa chỉ: 06 Đường Hùng Vương, T P Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Điện thoại: 0253718605 Fax: 0253 718 607 Email: .....

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

Công nhân viên	Làm việc theo chức vụ hành chính	Nhân viên phục vụ	Nhân viên vận hành/sửa chữa thiết bị NL
28	23	5	0

Năm đưa tòa nhà vào hoạt động	1989	Loại công trình	2
Tổng diện tích mặt sàn	m <sup>2</sup>	Số tầng	3
Tổng diện tích được bao che	m <sup>2</sup>	Tổng diện tích bán bao che	m <sup>2</sup>
Tổng diện tích không bao che	m <sup>2</sup>	Diện tích được ĐHND (1)	m <sup>2</sup>
Tổng diện tích văn phòng	940.9m <sup>2</sup>	Số phòng làm việc	940.9m <sup>2</sup>
Tổng diện tích các phòng họp	m <sup>2</sup>	Số phòng họp	2
Diện tích khu căng-tin, phục vụ	m <sup>2</sup>	Diện tích khu giải trí	m <sup>2</sup>
Tổng diện tích nhà kho	m <sup>2</sup>	Diện tích nhà để xe	m <sup>2</sup>

**Ghi chú:** (1) ĐHND – Điều hòa nhiệt độ.

**Mức tiêu thụ năng lượng hiện tại (Số liệu báo cáo thực hiện trong năm trước)**

Loại nhiên liệu	Khối lượng		Nhiệt năng		Giá nhiên liệu		Sử dụng cho mục đích gì
Xăng		10 <sup>3</sup> tấn	169.54	kJ/kg	46.536	10 <sup>6</sup> đ/tấn	Phục vụ công tác
...							

Điện năng mua ngoài	Công suất ..... kW	Điện năng ..... 10 <sup>6</sup> kWh/năm
Giá điện mua	1.755 đồng/ kW	61319.000 đồng/ kWh
Điện tự sản xuất (nếu có)	Công suất lắp đặt: ..... kW	
	Điện năng sản xuất: ..... 10 <sup>6</sup> kWh/năm	
	Công nghệ:	
	Nhiên liệu sử dụng:	
		Nhiên liệu thay thế:

## II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm [2019]

### 2.1. Dự kiến chỉ tiêu:

Tổng chi phí năng lượng/ nhiên liệu. 168.000.000,đ

Tổng chi phí vận hành 168.000.000, đồng

Số lượng lao động trung bình toàn năm 28 người

Diện tích mặt bằng sản xuất thực tế 940.m<sup>2</sup>

### 2.2. Kế hoạch sản xuất của cơ sở

(chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v...)				
Tên sản phẩm	Năng lực SX	Dự kiến sản xuất	Tỷ lệ so với chi phí sản xuất (%)	Tỷ lệ so với doanh thu (%)
		(Số lượng) (Đơn vị đo)		
.....		(Số lượng) (Đơn vị đo)		

### 2.3. Dự kiến mức sử dụng nhiên liệu

Loại nhiên liệu	Mức sử dụng	Giá nhiên liệu
Xăng	6000 lít	18.000,đồng
...	(Số lượng) (Đơn vị đo)	

### Sử dụng điện

Điện năng mua ngoài	Công suất .....kW	Điện năng ..... 10 <sup>6</sup> kWh/năm
Giá điện mua	1.755 đồng/ kW	60.000.000 đồng/ kWh
Điện tự sản xuất (nếu có)	Công suất lắp đặt: .....kW	
	Điện năng sản xuất: ..... 10 <sup>6</sup> kWh/năm	
	Giá điện sản xuất .....đồng/kWh	
	Công nghệ:	
		Nhiên liệu sử dụng:
		Nhiên liệu thay thế:



**2.4. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm [2019]:**

**Các giải pháp và dự kiến kết quả (Đối chiếu với kế hoạch năm đã đăng ký và các giải pháp bổ sung- nếu có- trong năm kế hoạch)**

Giải pháp TKNL dự kiến áp dụng	Loại nhiên liệu	Mục đích của giải pháp	Dự kiến kết quả	Dự kiến chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
	Xăng dầu		Mức tiết kiệm NL ___ (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL ___ (%) <sup>1</sup> Tiết kiệm chi phí ___ (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)	132	
	Điện thắp sáng		Mức tiết kiệm NL ___ (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL ___ (%) <sup>1</sup> Tiết kiệm chi phí ___ (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)	60	

<sup>(1)</sup> So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyên động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

**2.5. Kế hoạch thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ**

Năm	Tên thiết bị	Mô tả tính năng, vị trí sử dụng của thiết bị	Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)	Lý do lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế	Mức cam kết và khả năng thực hiện
2019	Thiết bị điện	Đảm bảo hệ thống đường điện cơ quan	Nâng cấp	Đường điện trụ sở đã xuống cấp (Trụ sở được xây dựng từ năm 1998)	Sử dụng đúng mục đích

### III. Kết quả thực hiện kế hoạch: Sử dụng đúng mục đích

#### 3.1. Chỉ tiêu chung:

Tổng chi phí năng lượng/ nhiên liệu..108.000.0000,đồng (cộng số liệu từ bảng ở mục II.3)

Tổng chi phí vận hành: 168.000.0000,đồng

Số lượng lao động trung bình toàn năm 28 người

Diện tích mặt bằng sản xuất thực tế 940m<sup>2</sup>

#### 3.2. Sản xuất của cơ sở

(chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v...)			
Năng lực SX Tên sản phẩm	Dự kiến sản xuất	Tỷ lệ so với chi phí sản xuất (%)	Tỷ lệ so với doanh thu (%)
	(Số lượng) (Đơn vị đo)		
	(Số lượng) (Đơn vị đo)		
	(Số lượng) (Đơn vị đo)		
	(Số lượng) (Đơn vị đo)		
	(Số lượng) (Đơn vị đo)		
.....	(Số lượng) (Đơn vị đo)		

#### 3.3. Sử dụng nhiên liệu thực tế

Loại nhiên liệu	Mức sử dụng	Giá nhiên liệu
Than đá	(Số lượng) (Đơn vị đo)	
Dầu FO	(Số lượng) (Đơn vị đo)	
Dầu Diezen	(Số lượng) (Đơn vị đo)	
Xăng	(Số lượng) (Đơn vị đo) 6000 lít	18.000,đồng
Khí đốt	(Số lượng) (Đơn vị đo)	
Than cốc	(Số lượng) (Đơn vị đo)	
Khí than	(Số lượng) (Đơn vị đo)	
Hơi nước mua ngoài	(Số lượng) (Đơn vị đo)	
...	(Số lượng) (Đơn vị đo)	

#### Sử dụng điện thực tế

Điện năng mua ngoài	Công suất .....kW	Điện năng ..... 10 <sup>6</sup> kWh/năm
Giá điện mua	1.755 đồng/ kW	60.000.000 đồng/ kWh
Điện tự sản xuất (nếu có)	Công suất lắp đặt: .....kW	Giá điện sản xuất
	Điện năng sản xuất: ..... 10 <sup>6</sup> kWh/năm	.....đồng/kWh
	Công nghệ:	
	Nhiên liệu sử dụng:	
	Nhiên liệu thay thế:	



**3.4. Kế hoạch đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm [xxxx]:**

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục II.4 và ghi thêm các giải pháp bổ xung - nếu có)

Giải pháp TKNL áp dụng	Loại nhiên liệu	Mục đích của giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
			Mức tiết kiệm NL ___ (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL ___ (%) <sup>1</sup> Tiết kiệm chi phí ___ (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)		
			Mức tiết kiệm NL ___ (Đơn vị đo) Mức tiết kiệm NL ___ (%) <sup>1</sup> Tiết kiệm chi phí ___ (Tr. đồng) Lợi ích khác (là gì?)		

<sup>(1)</sup> So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyên động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

**3.5. Thực hiện việc thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ**

Tên thiết bị dự kiến lắp mới/ nâng cấp/ thay thế theo kế hoạch	Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)	Thực hiện (Có/không)	Lý do (Trong trường hợp không thực hiện được)
Thiết bị điện	Nâng cấp	Có	

Tên thiết bị được lắp mới/ nâng cấp/ thay thế không có trong kế hoạch	Mô tả tính năng, vị trí sử dụng của thiết bị	Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)	Lý do lắp mới/ nâng cấp/ thay thế thiết bị

#### IV. Nội dung khác liên quan đến kế hoạch

Cam kết:

Được sự ủy quyền của Giám đốc Sở về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2019/ báo cáo tình hình sử dụng năng lượng năm 2018 của Sở Ngoại vụ, tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

Lạng Sơn, ngày 16 tháng 01 năm 2019

**Người lập báo cáo**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

*leal*

**Lê Thị Thanh**

**GIÁM ĐỐC**  
(Ký tên và đóng dấu)



**Hoàng Xuân Thuận**